TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị T với anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nam.
2. Bà Mai Thị Nhặc.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1979, địa chỉ: Ấp AB, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1969, địa chỉ: Ấp TS, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại ấp TS, xã CS. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N hay ghen tuông vô cớ, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh N có hành vi đánh đập chị. Chị và anh N không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2018 cho đến nay. Nhận thấy thời gian không sống chung với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không

thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh N.

Trong thời gian chung sống, chị và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Phát L, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Trần Y, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2015. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Về vấn đề cấp dưỡng, trước đây trong đơn khởi kiện và bản khai chị yêu cầu anh N cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Chị và anh N không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung.

Do bị đơn là anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Nguyễn Văn N. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N chung sống có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh N được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng chị và anh N mâu thuẫn do anh N hay ghen tuông vô cớ và có hành vi sử dụng bạo lực đối với chị, chị và anh N không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2018 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin ly hôn với anh N. Tòa án đã thông báo cho anh N đến để hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ nhưng anh N không đến.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị được

ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Phát L, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Trần Y, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2015. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu Y, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cả hai cháu còn nhỏ, đang sống cùng với chị T và cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của các cháu được ổn định nên cần giao cháu L và cháu Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng cho con do chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai chị và anh N không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N có hai con chung tên Nguyễn Phát L, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Trần Y, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2015.

Chị Trần Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phát L và Nguyễn Trần Y.

Ghi nhận chị Trần Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T trình bày không tranh chấp

tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0020900 ngày 05 tháng12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã CS;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.